TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẦU GIẤY **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HỘI XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: **194/**2021/QĐST-HNGĐ	*Cầu Giấy, ngày 30 tháng 6 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Vũ Thị Thu Hằng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Đình Can

Ông Hoàng Văn Hạnh

Thư ký phiên tòa: Ông Hà Hùng Cường - Thư ký Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội tham gia phiên toà: Bà Vũ Lan Phương – Kiểm sát viên.

Căn cứ các Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ các Điều 28, Điều 212, Điều 213, Điều 235 và Điều 246 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 3, khoản 8 Điều 26, khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 130/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2021 về việc *"Tranh chấp về việc ly hôn, nuôi con"*.

XÉT THẤY

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái với đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

* *Nguyên đơn:* **Chị Bì Thị T, sinh năm 1989**

Địa chỉ: Ngõ 109, tổ 10 phường Y, quận Hoàng Mai, TP. Hà Nội.

* *Bị đơn:* **Anh Lâm Văn N, sinh năm 1987**

Địa chỉ: Ngõ 381/60 đường N1, phường Y, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội.

II. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Bì Thị T và anh Lâm Văn N thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị Bì Thị T và anh Lâm Văn N cùng thống nhất xác định trong thời kỳ hôn nhân có 02 (Hai) con chung là cháu Lâm Tuấn L, sinh ngày 05/9/2013 và cháu Lâm Hà L1, sinh ngày 06/3/2016. Ly hôn, chị T và anh N thống nhất: Giao cháu Lâm Tuấn L và cháu Lâm Hà L1 cho chị Bì Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh N tự nguyện cấp dưỡng nuôi các con chung là 2.000.000 đồng/tháng/2 con (Hai triệu đồng một tháng chia hai con), kể từ tháng 7 năm 2021 cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định pháp luật khác thay thế.

Anh N được quyền tự do đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục các con chung, không ai được quyền cản trở.

- Về tài sản chung (Động sản và bất động sản, nhà ở): Chị Bì Thị T và anh Lâm Văn N thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về công nợ: Chị Bì Thị T và anh Lâm Văn N cùng thống nhất anh chị không vay nợ ai và không ai nợ gì anh chị nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí Tòa án: Chị Bì Thị T chịu 150.000 đồng *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Bì Thị T chịu 150.000 đồng *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm của anh Lâm Văn N. Tổng cộng là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)*, được trừ vào số tiền 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí chị Bì Thị T đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Cầu Giấy theo biên lai thu số 0021751 ngày 25/3/2021. Nay chuyển thành án phí.

Anh Lâm Văn N chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí đối với yêu cầu cấp dưỡng.

III. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TP. Hà Nội;
- VKSND quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội;
- UBND phường N1, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội;
- Chi cục THADS quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Thu Hằng

.